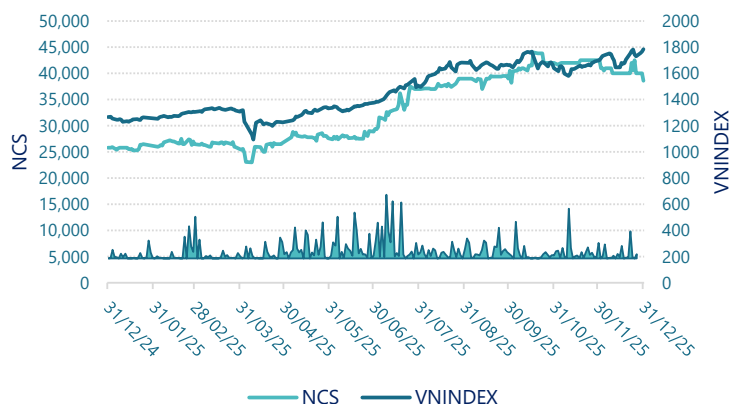


CTCP Suất ăn Hàng không Nội Bài (UPCOM: NCS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	38,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,000
SL cổ phiếu LH	17,948,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,935
% sở hữu nước ngoài	5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	693
P/E	10.2
EPS	3,792

DT thuần

Q4/25

237

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.00 | 3.4%

YoY: ▲ 43.0 | 22.0%

LN sau thuế

Q4/25

16.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.00 | -5.9%

YoY: ▲ 3.30 | 25.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

10.6%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2025

875

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 143 | 19.5%

LN sau thuế

2025

68.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.3 | 24.3%

ROE

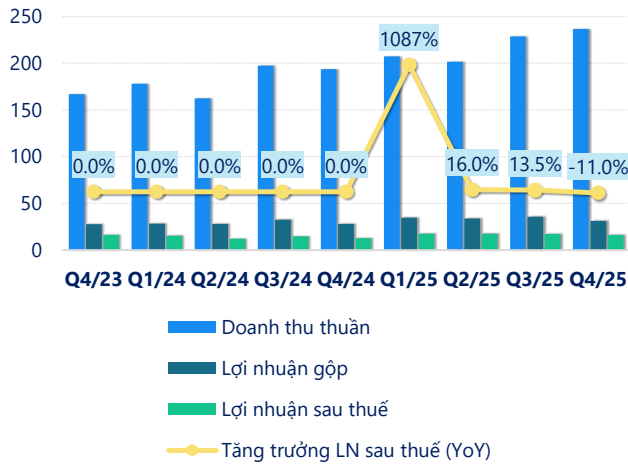
2025

32.2%

+/- YoY: ▼ 3.1%

tỷ VNĐ

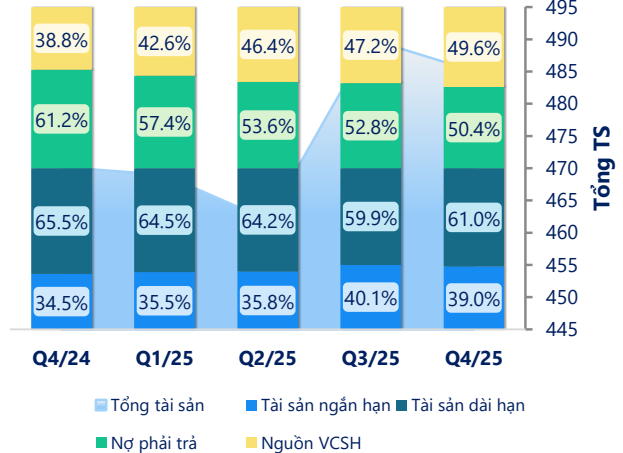
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

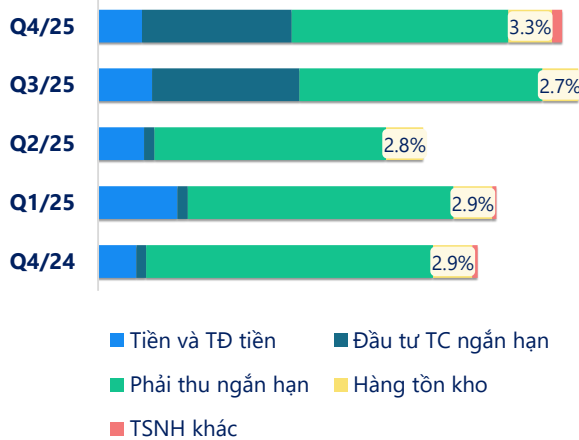
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



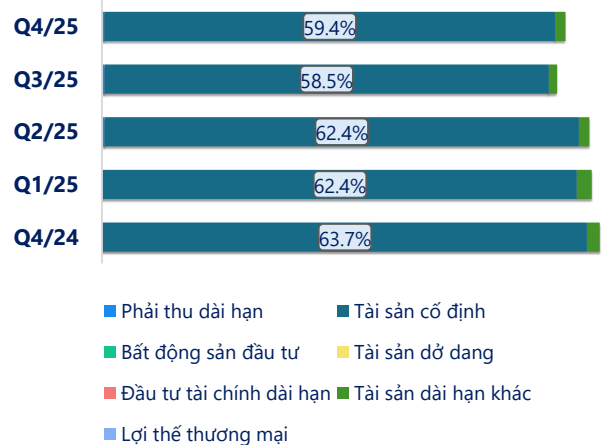
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

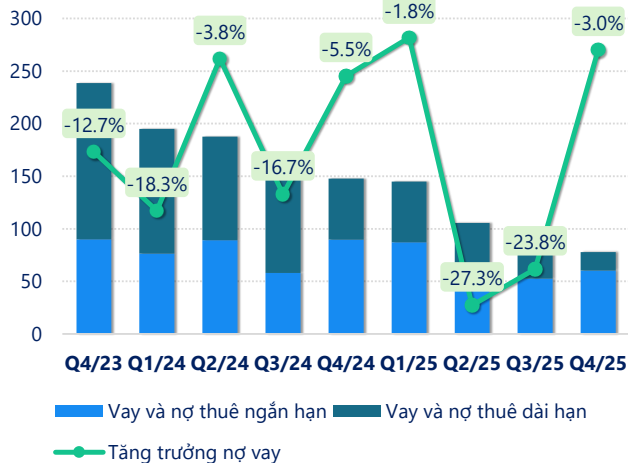
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

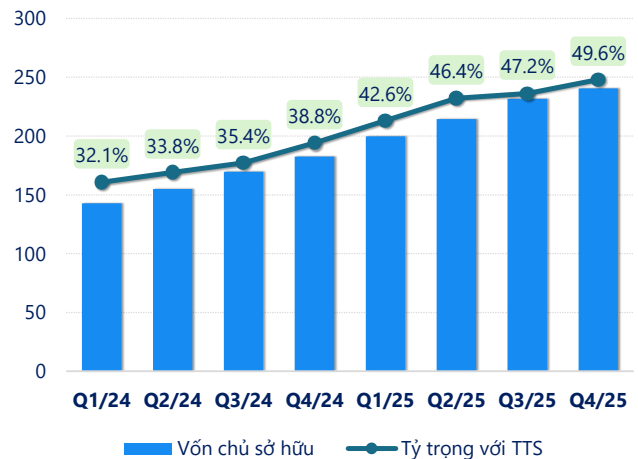
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

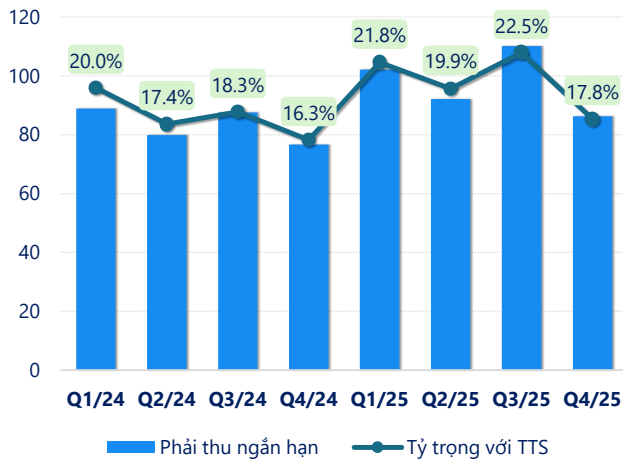
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



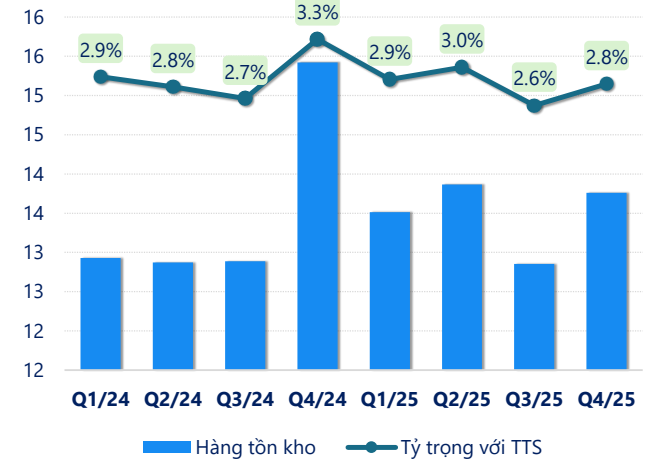
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


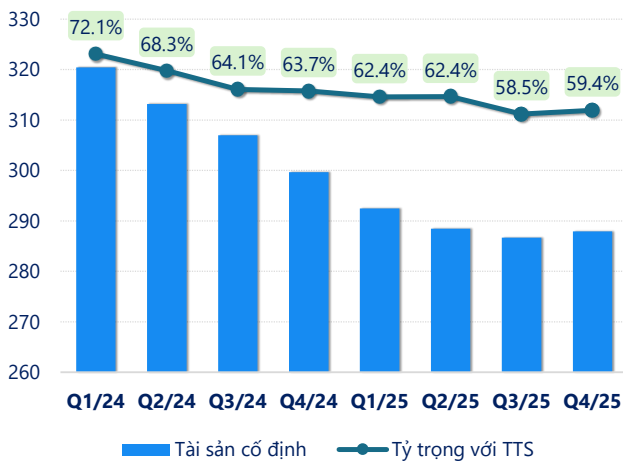
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


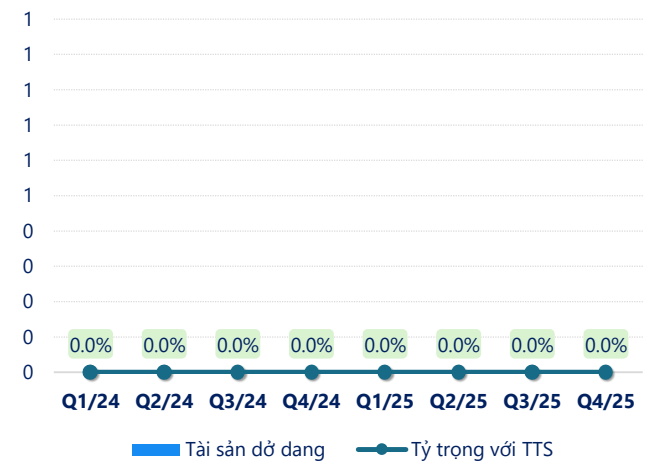
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

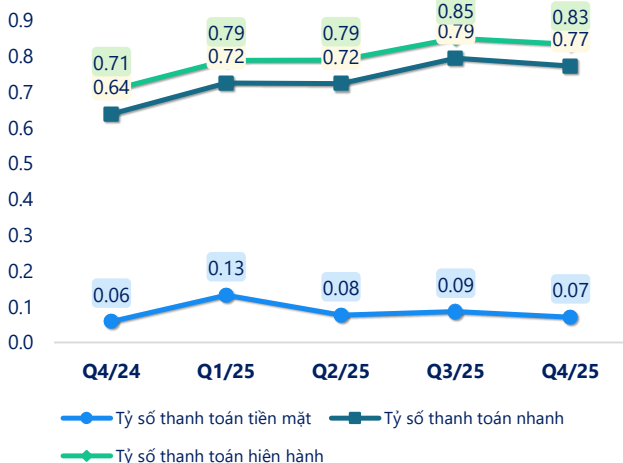
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

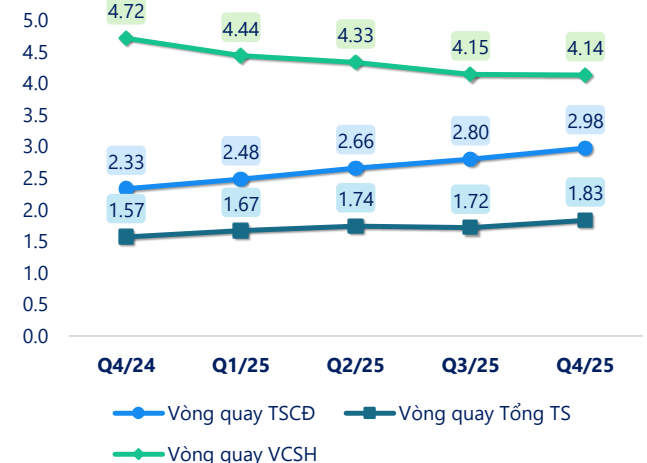
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	470	469	462	490	485
Tài sản ngắn hạn	162	167	166	196	189
Tiền và tương đương tiền	13.5	27.9	16.0	20.0	16.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.0	23.0	43.0	53.0	73.0
Phải thu ngắn hạn	76.6	102	92.1	110	86.3
Hàng tồn kho	15.4	13.5	13.9	12.9	13.8
Tài sản ngắn hạn khác	3.60	0	0.62	0.39	0
Tài sản dài hạn	308	302	296	294	296
Phải thu dài hạn	0.56	0.73	1.60	1.60	1.44
Tài sản cố định	300	292	288	287	288
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	7.77	9.17	6.33	5.44	6.67
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	288	269	248	258	244
Nợ ngắn hạn	230	211	210	231	227
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.8	87.1	67.7	52.7	60.4
Phải trả người bán ngắn hạn	73.2	55.4	58.9	67.3	78.5
Nợ dài hạn	57.9	57.9	37.7	27.6	17.5
Vay và nợ thuê dài hạn	57.9	57.9	37.7	27.6	17.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	183	200	214	232	241
Vốn chủ sở hữu	183	200	214	232	241
Vốn điều lệ	179	179	179	179	179
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)